TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-ST
Ngày: 05 - 6 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Dịnh
Ông Nguyễn Kim Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị C, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1950 (có mặt).

2. Bà Lai Thị Ngọc H (tên gọi khác Lai Thị H), sinh năm 1951 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ: Ông Quách Phú T, sinh năm 1956; địa chỉ: ấp X, xã L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (theo hợp đồng ủy quyền ngày 09/11/2018), (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Tr là Luật sư của Văn phòng luật sư Ngô Đình Chiến thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Hồ Tấn C, sinh năm 1960; địa chỉ: ấp N, xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/8/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị C trình bày:

Chị cho rằng trước đây chị có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Lai Thị Ngọc H vay mượn tiền các lần như sau:

Ngày 20/6/2016 (âm lịch), ông Đ và bà H vay 25.000.000 đồng.

Ngày 22/7/2016 (âm lịch), ông Đ và bà H mượn 50.000.000 đồng.
Ngày 01/01/2017 (âm lịch), ông Đ và bà H mượn 5.000.000 đồng.
Ngày 13/6/2017 (âm lịch), bà H mượn 10.000.000 đồng.
Ngày 09/10/2017 (âm lịch), bà H mượn 5.000.000 đồng.
Ngày 11/10/2017 (âm lịch), bà H mượn 5.000.000 đồng.
Ngày 14/10/2017 (âm lịch), bà H mượn 10.000.000 đồng.
Ngày 17/10/2017 (âm lịch), bà H mượn 10.000.000 đồng.
Ngày 02/11/2017 (âm lịch), bà H mượn 10.000.000 đồng.
Ngày 10/11/2017 (âm lịch), bà H mượn 3.000.000 đồng.
Ngày 15/11/2017 (âm lịch), bà H mượn 10.000.000 đồng.

Đến ngày 10/5/2018, chị và ông Đ gặp nhau cộng các lần vay mượn với số tiền 135.000.000 đồng. Các lần vay mượn tiền có làm biên nhận, ông Đ và bà H có ký tên tại các biên nhận. Mục đích ông Đ và bà H vay tiền của chị để làm vốn buôn bán thuốc tây và thuê đất làm vuông. Đối với khoản tiền vay với mức lãi suất là 80.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Bà H trả lãi tiền vay cho chị đến ngày 07/02/2017 (âm lịch) thì ngưng trả lãi, còn tiền vay và tiền mượn ông Đ và bà H chưa trả cho chị.

Tổng số tiền vay mượn ông Đ và bà H nợ của chị là 143.000.000 đồng, nhưng khi khởi kiện do chị nhầm lẫn nên chỉ khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà H thanh toán số tiền 135.000.000 đồng. Nay chị chỉ yêu cầu ông Đ và bà H có nghĩa vụ thanh toán tiền vay mượn là 135.000.000 đồng, số tiền còn lại và lãi suất chị không yêu cầu ông Đ và bà H thanh toán.

Tại bản tự khai ngày 19/9/2018 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Vào năm 2014, ông và vợ ông là bà H có vay của chị Phạm Thị C số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 6.000.000 đồng/tháng. Ông và bà H có đóng tiền lãi cho chị C, nhưng ông không biết đóng bao nhiêu do bà H là người trực tiếp đóng lãi. Đến năm 2018, do ông và bà H không có tiền đóng lãi nên chị C lấy tiền lãi nhập vào vốn vay lên đến 135.000.000 đồng. Đến ngày 10/5/2018, chị C viết sẵn biên nhận đem đến cho ông ký, ông có ký tên vào biên nhận nhưng không có đọc lại nội dung biên nhận.

Ông xác định các biên nhận ngày 17/10/2017 và biên nhận ngày 13/6/2017 là chữ ký và chữ viết của bà H; các biên nhận ngày 10/5/2018, ngày 24/8/2016 và giấy giao kèo ngày 20/6/2016 là chữ ký của ông và bà H; biên nhận ngày 01/01/2017, chữ ký là của bà H, còn chứ ký dưới chữ chồng ký không giống chữ ký của ông. Ông cho rằng số tiền ghi tại các biên nhận trên chị C tính tiền lãi nhập vào tiền vay, các biên nhận này do chị C giữ. Các lần bà H đóng lãi chỉ ghi vào sổ do chị C quản lý, ông và bà H không có giữ giấy tờ gì liên quan đến số tiền vay và tiền đóng lãi.

Nay ông cho rằng chỉ vay của chị C số tiền 20.000.000 đồng và trả tiền lãi cho chị C nhiều lần với số tiền rất lớn nên ông không chấp nhận thanh toán cho chị C số tiền khởi kiện 135.000.000 đồng.

Tại biên bản ghi lời trình bày ngày 19/3/2019, anh Hồ Tấn C trình bày:

Anh xác định chị C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà H trả số tiền 135.000.000 đồng, số tiền này do chị C mượn của người khác để cho ông Đ, bà H vay mượn, không phải

tiền chung do anh và chị C tạo lập mà có. Khi chị C cho ông Đ, bà H vay mượn thì anh không có tham gia và không biết về giao dịch vay mượn tiền giữa hai bên.

Nay anh không có quyền lợi gì đối với số tiền chị C khởi kiện ông Đ, bà H nên anh không có yêu cầu gì và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng và đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Nguyên đơn chị C và bị đơn ông Đ vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và ý kiến của mình như trình bày, các đương sự không ai có ý kiến gì khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Vào năm 2014, vợ chồng ông Đ và bà H vay của chị C số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất cao, quá trình vay ông Đ và bà H có trả lãi cho chị C nhiều lần với số tiền khoảng 400.000.000 đồng, do không có khả năng trả lãi nữa nên chị C tính lãi nhập vốn và ghi biên nhận tiền vay mượn, do tin tưởng nên các giấy tờ đóng lãi và biên nhận tín lãi nhập vốn để cho chị C giữ. Đối với biên nhận ngày 20/6/2016 do chị C cung cấp không phải chữ ký và chữa viết họ tên của ông Đ và bà H, tuy nhiên do ông Đ và bà H gặp khó khăn về kinh tế nên không có khả năng nộp tiền chi phí giám định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn diện khách quan của vụ án để đảm bảo quyền lợi cho ông Đ và bà H, vì chị C cho ông Đ và bà H vay tiền với lãi cao và tính lãi nhập vốn nên mới lên đến số tiền 135.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đúng với quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần khởi kiện của chị C yêu cầu ông Đ và bà H trả nợ tiền vay mượn; buộc ông Đ và bà H có nghĩa vụ thanh toán cho chị C số tiền mượn 110.000.000 đồng, đối với số tiền vay 25.000.000 đồng điều chỉnh lãi suất theo quy định pháp luật; về án phí dân sự sơ thẩm buộc ông Đ và bà H chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà H vắng mặt không có lý do, anh C xin vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H và anh C.

[2] Về nội dung tranh chấp: Chị Phạm Thị C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Lai Thị Ngọc H trả nợ tiền vay mượn. Từ nội dung khởi kiện đã nêu, có căn cứ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện về giao dịch vay mượn tiền giữa chị C và ông Đ, bà H là thực tế có diễn ra. Điều này đã được hai bên đương sự là chị C và ông Đ, bà H thừa nhận. Tuy nhiên, về số tiền vay mượn và thời gian vay hai bên trình bày không thống nhất với nhau, cụ thể như sau: Chị C cho rằng trong khoảng thời gian từ ngày 20/6/2016 (âm lịch) đến ngày 15/11/2017 (âm lịch), chị cho ông Đ và bà H vay mượn tiền 11 lần với tổng số tiền là 143.000.000 đồng; đến ngày 10/5/2018, chị và ông Đ kết sổ các lần vay mượn chưa thanh toán với số tiền

135.000.000 đồng. Đối với ông Đ cho rằng vào năm 2014, ông và bà H vay của chị C số tiền 20.000.000 đồng; đến năm 2018 do ông và bà H không có tiền đóng lãi nên chị C tính lãi nhập vốn lên đến 135.000.000 đồng; đến ngày 10/5/2018, chị C viết sẵn bên nhận đem đến cho ông ký, ông có ký tên vào biên nhận nhưng không có xem lại nội dung biên nhận.

[4] Xét thấy, các biên nhận vay mượn tiền chị C cung cấp thể hiện các lần ông Đ và bà H vay mượn tiền của chị C như sau: Ngày 20/6/2016 (âm lịch), ông Đ và bà H vay 25.000.000 đồng; ngày 22/7/2016 (âm lịch), ông Đ và bà H mượn 50.000.000 đồng; ngày 01/01/2017 (âm lịch), ông Đ và bà H mượn 5.000.000 đồng; ngày 13/6/2017, bà H nhận 10.000.000 đồng; ngày 09/10/2017, bà H mượn 5.000.000 đồng; ngày 11/10/2017, bà H mượn 5.000.000 đồng; ngày 14/10/2017, bà H mượn 10.000.000 đồng; ngày 17/10/2017, bà H mượn 10.000.000 đồng; ngày 02/11/2017, bà H mượn 10.000.000 đồng; ngày 10/11/2017, bà H mượn 3.000.000 đồng; ngày 15/11/2017, bà H mượn 10.000.000 đồng; ngày 10/5/2018, chị C và ông Đ làm biên nhận cộng các lần vay mượn với số tiền 135.000.000 đồng. Các biên nhận này ông Đ và H đều thừa nhận có bút tích chữ ký và ghi tên người vay mượn tiền là ông Đ và bà H, trong đó có hai biên nhận ngày 13/6/2017 và ngày 17/10/2017 do chính bà H viết và ký tên. Các biên nhận thể hiện ông Đ và bà H vay mượn tiền của chị C, không có biên nhận nào thể hiện chị C tính lãi tiền vay nhập vào vốn. Ông Đ cho rằng ông và bà H chỉ vay của chị C số tiền 20.000.000 đồng, do ông Đ và bà H không có tiền đóng lãi đầy đủ nên ngày 10/5/2018, chị C làm biên nhận nhập lãi vào vốn lên đến 135.000.000 đồng, vấn đề này phía chị C không thừa nhận, đồng thời ông Đ và bà H cũng không có giấy tờ, chứng cứ gì chứng minh việc chị C tính lãi tiền vay nhập vốn như trình bày, do đó ông Đ cho rằng chị C tính lãi nhập vốn là không có cơ sở chấp nhận. Từ những chứng cứ đã nêu, có cơ sở xác định ông Đ và bà H có vay mượn của chị C nhiều lần với tổng số tiền là 143.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị C chỉ yêu cầu ông Đ và bà H thanh toán 135.000.000 đồng (trong đó tiền mượn 110.000.000 đồng, tiền vay 25.000.000 đồng), số tiền chị C khởi kiện ít hơn so với biên nhận, do đó Tòa án chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi khởi kiện của chị C.

[5] Về lãi suất khoản tiền vay ngày 20/6/2016 (âm lịch), ông Đ và bà H vay 25.000.000 đồng, với mức lãi suất là 80.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, chị C cho rằng ông Đ và bà H trả lãi cho chị đến ngày 07/02/2017 (âm lịch), số tiền lãi ông Đ và bà H thực tế đã trả cho chị C với số tiền 15.072.000 đồng. Xét thấy, khoản tiền lãi mà ông Đ và bà H đóng lãi cho chị C vượt mức lãi suất quy định pháp luật nên cần phải điều chỉnh lại mức lãi suất theo quy định. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ ngày 20/6/2016 (âm lịch) đến ngày 03/12/2016 (âm lịch) nhằm ngày 31/12/2016 (dương lịch), theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, tương ứng với mức lãi vay không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản là 13,5%/năm, cụ thể lãi suất như sau: Số tiền vay 25.000.000 đồng x 05 tháng 13 ngày x 13,5%/năm = 1.528.000 đồng. Trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2017 (dương lịch) nhằm ngày 04/12/2016 (âm lịch) đến ngày 07/02/2017 (âm lịch), theo quy định định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định lãi suất không được vượt quá 20% của khoản tiền vay, cụ thể lãi suất như sau: Số tiền vay 25.000.000 đồng x 02 tháng 03 ngày x 20%/năm = 875.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi là 2.403.000 đồng. Số tiền lãi ông Đ và bà H đã đóng lãi cho chị C vượt mức quy định là 15.072.000 đồng – 2.403.000 đồng = 12.669.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi ông Đ và bà H đóng vượt mức quy định được đối trừ

vào tiền vay, ông Đ và bà H còn phải trả tiền vay cho chị C như sau 25.000.000 đồng - 12.669.000 đồng = 12.331.000 đồng.

[6] Tổng cộng tiền vay và tiền mượn ông Đ và bà H phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị C với số tiền là 122.331.000 đồng. Đối với lãi suất khoản tiền vay từ ngày 07/02/2017 (âm lịch) đến nay và các khoản tiền mượn, chị C không yêu cầu ông Đ và H trả lãi nên không đặt ra xem xét.

[7] Không chấp nhận khởi kiện của chị C yên cầu ông Đ và bà H thanh toán tiền vay mượn chênh lệch là 12.669.000 đồng.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Do khởi kiện của chị C được chấp nhận một phần nên ông Đ và bà H phải chịu án phí có giá ngạch 5% đối với số tiền phải có nghĩa vụ là 6.116.000 đồng. Chị C phải chịu án phí có giá ngạch 5% đối với số tiền không được chấp nhận là 633.000 đồng, ngày 17/8/2018, chị C nộp tạm ứng án phí số tiền 3.375.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ, chị C được nhận lại 2.742.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần khởi kiện của chị Phạm Thị C yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Lai Thị Ngọc H trả nợ tiền vay mượn.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Lai Thị Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán tiền vay mượn cho chị Phạm Thị C với số tiền là 122.331.000 đồng đồng (Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm ba mươi mốt ngàn đồng)

Kể từ khi bản án có hiệu lực, chị Phạm Thị C có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Văn Đ và bà Lai Thị Ngọc H chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền đã nêu thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận khởi kiện của chị Phạm Thị C yên cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Lai Thị Ngọc H thanh toán tiền vay mượn chênh lệch 12.669.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn đồng)

Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn Đ và bà Lai Thị Ngọc H phải chịu 6.116.000 đồng. Chị Phạm Thị C phải chịu 633.000 đồng, ngày 17/8/2018, chị C nộp tạm ứng án phí số tiền 3.375.000 đồng theo biên lai thu số 0005671 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ, chị C được nhận lại 2.742.000 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Phạm Thị C và ông Nguyễn Văn Đ có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lai Thị Ngọc H và anh Hồ Tấn C vắng mặt có quyền làm

đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHTB.

Bùi Văn Việt